

Định hướng và giải pháp đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại tổng thể nền kinh tế đến năm 2020

VƯƠNG ĐÌNH HUỆ

Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương

Ngày nhận:

25/11/2014

Ngày nhận lại:

21/12/2014

Ngày duyệt đăng:

31/12/2014

Mã số:

1114-O-04

Tóm tắt

Bài viết dựa trên cơ sở Nghị quyết Đại hội XI của Đảng và Kết luận số 10-KL/TW của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về các vấn đề cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng vốn đã được thể chế hóa và tổ chức thực hiện như một nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011–2015 và đạt được một số kết quả quan trọng, cũng như còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả đưa ra một số đánh giá chung về tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn vừa qua, đồng thời đề xuất một số định hướng và giải pháp nhằm góp phần đẩy mạnh quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại tổng thể nền kinh tế đến năm 2020.

Abstract

The paper is based on Resolution of CPV Congress XI and Conclusion of the third conference of CPV Central Executive Committee of term XI on restructuring of the economy and innovation of growth model which has been institutionalized and implemented as a central task for the whole 5-year Socioeconomic Development Plan 2011–2015. The implementation of the plan has produced several important results along with certain shortcomings that should be dealt with in the coming years. This paper provides some general estimates of the socioeconomic development in recent years and offers some directions and solutions needed for promoting the restructuring of the economy and innovation of the growth model up to 2020.

Từ khóa:

Định hướng, giải pháp, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới, mô hình tăng trưởng.

Keywords:

Directions, solutions, restructuring of the economy, innovation, growth model.

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết Đại hội XI của Đảng đã xác định rõ một trong những nhiệm vụ chủ yếu phát triển đất nước trong 5 năm 2011–2015 là: “Ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững, nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế...”. Tại Kết luận số 10-KL/TW ngày 18/10/2011, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI tiếp tục nêu “Cơ cấu lại nền kinh tế phải gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh... Trong 5 năm tới, cần tập trung vào ba lĩnh vực quan trọng nhất: Tái cơ cấu đầu tư với trọng tâm là đầu tư công; cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính; tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước mà trọng tâm là các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước”. Trong bài viết này, tác giả đánh giá chung về một số kết quả và hạn chế nhất định trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội VN giai đoạn 2011–2015, từ đó đề xuất một số định hướng và giải pháp lớn nhằm góp phần đẩy mạnh quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại tổng thể nền kinh tế cần sớm được triển khai từ nay đến năm 2020.

2. Đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội VN giai đoạn 2011–2015

2.1. Những kết quả đạt được

Trong giai đoạn 2011–2013, mô hình tăng trưởng có chuyển biến bước đầu từ chiều rộng sang theo hướng chiều sâu, chú ý hơn đến chất lượng tăng trưởng:

- Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư được cải thiện, hệ số gia tăng vốn đầu ra (ICOR) giảm từ 6,96 (giai đoạn 2006–2010), giai đoạn 2011–2015 ước tính khoảng 6,5.

- Lực lượng sản xuất có nhiều tiến bộ cả về số lượng lẫn chất lượng. Trình độ công nghệ sản xuất giai đoạn 2011–2013 đã có thay đổi theo hướng tiếp cận công nghệ tiên tiến, hiện đại hơn.

- Tỷ trọng công nghiệp chế biến trong giá trị sản xuất công nghiệp có xu hướng tăng, tỷ trọng của công nghiệp khai thác giảm dần. Tiêu hao điện năng đã giảm từ 0,8 KWh/1 USD GDP năm 2010 xuống còn 0,74 KWh /1 USD GDP năm 2013. Hệ số

đàn hồi điện/GDP (tốc độ tăng tiêu thụ điện/tốc độ tăng GDP) năm 2013 là 1,69; năm 2012 là 1,9; năm 2011 là 1,75, giảm đáng kể so với năm 2010 là 2,03.

- Đạt được kết quả bước đầu trong thực hiện ba đột phá chiến lược: (1) Đột phá về thể chế kinh tế thị trường (KTTT) định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính; (2) Đột phá về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; và (3) Đột phá về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

- Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định:

+ Tỷ lệ tăng trưởng bình quân 3 năm 2011–2013 đạt 5,64%, và theo IMF, tốc độ tăng trưởng kinh tế của ASEAN giai đoạn 2011–2013 là 5,1%/năm, cao hơn mức tăng trưởng bình quân của các nước ASEAN cùng thời kỳ. Tốc độ tăng trưởng năm 2011 là 6,24%; năm 2012 là 5,25%; năm 2013 là 5,42%; năm 2014 ước đạt 5,9%; năm 2015 dự báo tăng 6,2%. GDP bình quân đầu người năm 2011 là 1.543 USD, năm 2012 là 1.755 USD, năm 2013 là 1.911 USD¹.

+ Chỉ số giá tiêu dùng giảm từ 18,1% năm 2011 xuống còn 6,8% năm 2012; và còn 6,04% năm 2013; CPI tính đến tháng 9/2014 so với cuối năm 2013 chỉ tăng 2,25%.

+ Lạm phát được kiểm soát, tỷ lệ lạm phát đã giảm mạnh từ mức 18,13% năm 2011 xuống còn 6,81% năm 2012, còn 6,04% vào năm 2013 và chỉ khoảng 3% năm 2014.

Quan điểm tăng trưởng kinh tế hài hòa với phát triển văn hóa, xây dựng con người, tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường được quan tâm nhiều hơn. An sinh xã hội (ASXH) được đảm bảo, hệ thống ASXH và phúc lợi xã hội phát triển khá đồng bộ, đặc biệt là trong vấn đề giảm nghèo, giải quyết việc làm, phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội, chính sách ưu đãi người có công với nước, trợ giúp xã hội, chính sách bảo hiểm y tế toàn dân tạo điều kiện để người dân được hưởng thụ nhiều hơn về văn hóa, y tế và giáo dục. Trong bối cảnh ngân sách nhà nước (NSNN) giảm do suy giảm kinh tế, chi NSNN cho ASXH vẫn tăng qua các năm. Giai đoạn 2006–2010, kinh phí NSNN chi cho công tác ASXH khoảng 471.000 tỉ đồng, đạt 20,1% tổng chi NSNN. Giai đoạn 2011–2013, kinh phí NSNN chi cho công tác ASXH ước đạt 913.400 tỉ đồng, chiếm khoảng 34,1% tổng chi NSNN, tăng 1,7 lần

so với giai đoạn 2006–2010². Chỉ số phát triển con người (HDI) năm 2012 xếp hạng 127/187 quốc gia và vùng lãnh thổ, đạt mức trung bình trên thế giới.

Quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, nhất là các lĩnh vực trọng tâm đạt được một số kết quả bước đầu, có tác động tích cực đối với ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng. Việc thể chế hoá chính sách của Nhà nước bằng việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng và tổ chức thực hiện các Đề án cơ cấu lại nền kinh tế được thực hiện ở nhiều ngành, lĩnh vực. Môi trường đầu tư và kinh doanh được cải thiện, tạo sự thuận lợi hơn trong tiếp cận các nguồn lực cho nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Cụ thể:

- Cơ cấu lại đầu tư công đã đạt được kết quả tích cực, bước đầu khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, giảm đầu tư có tính chất đầu cơ. Cơ cấu đầu tư có chuyển biến hợp lý hơn, hiệu quả đầu tư công được cải thiện tuy còn khá khiêm tốn (hệ số ICOR bình quân khu vực kinh tế nhà nước giai đoạn 2011–2013 đã giảm xuống còn khoảng 7,5 so với mức 9,6 giai đoạn 2006–2010); tiến độ, chất lượng các dự án kết cấu hạ tầng giao thông có tiến bộ đáng kể.

- Cơ cấu lại hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM) và các tổ chức tài chính, xử lý nợ xấu đã đạt được kết quả bước đầu. Khung khổ pháp lý cho cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng (TCTD) và thị trường chứng khoán (TTCK), bảo hiểm tiếp tục hoàn thiện; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với thị trường tiền tệ, ngoại hối, chứng khoán và bảo hiểm được nâng cao. Hệ thống NHTM và các tổ chức tài chính đang được cơ cấu lại cả về tài chính và quản trị, không để xảy ra đổ vỡ, mất an toàn hệ thống; các NHTM nhà nước tăng trưởng cao hơn so với nhóm TCTD khác và tiếp tục đóng vai trò chủ đạo trên thị trường tiền tệ - tín dụng; các NHTM cổ phần được quản lý và kiểm soát chặt chẽ hơn, hầu hết các ngân hàng yếu kém cải thiện được khả năng chi trả, thực hiện được các quy định về tỉ lệ an toàn; giảm số lượng NHTM cổ phần; các TCTD nước ngoài, TCTD phi ngân hàng và Quỹ tín dụng nhân dân cũng thực hiện cơ cấu lại theo hướng an toàn và bền vững hơn. Nợ xấu được xử lý bằng nhiều biện pháp, chủ yếu là sử dụng dự phòng rủi ro và bán nợ cho Công ty quản lý tài sản (VAMC). TTCK có đà khởi sắc, cung hàng hóa (cổ phiếu, trái phiếu) tăng khá lớn; các công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm và nhà đầu tư được cơ cấu lại bước đầu.

- Cơ cấu lại các doanh nghiệp nhà nước (DNNN), đã quan tâm xử lý các khó khăn vướng mắc đối với sản xuất kinh doanh, thực hiện các giải pháp sắp xếp lại DNNN,

nhất là cổ phần hoá; các tập đoàn tổng công ty nhà nước bước đầu thực hiện các giải pháp cơ cấu lại tổ chức bộ máy, lao động và quản trị kinh doanh, thoái vốn đầu tư ngoài lĩnh vực kinh doanh chính theo cơ chế thị trường; từng bước nâng cao tính công khai minh bạch hoạt động đầu tư của chủ sở hữu nhà nước và của doanh nghiệp.

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực. Đến năm 2013, tỉ trọng của nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm so với giai đoạn trước từ 20,08% xuống còn 18,38%; đồng thời đã có sự điều chỉnh về cơ cấu đầu tư và tăng khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp, có tác động đối với phát triển của ngành nông nghiệp về sản lượng, xuất khẩu, khả năng hội nhập kinh tế quốc tế, chuyển dịch sang sản xuất sạch và xanh; hỗ trợ cho quá trình xây dựng nông thôn mới, tăng thu nhập của nông dân. Nông nghiệp được phát triển toàn diện theo hướng khai thác những lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới. Đã xây dựng và phát triển các mô hình sản xuất và mô hình tổ chức sản xuất phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Các hoạt động chuyển giao và ứng dụng khoa học kỹ thuật được đẩy mạnh, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng nông, lâm, thủy sản. Kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được đầu tư nâng cấp, cơ giới hóa trong nông nghiệp tăng nhanh, từng bước góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Thu nhập và đời sống của đại bộ phận cư dân nông thôn được cải thiện, góp phần quan trọng giữ vững ổn định xã hội.

Tốc độ tăng trưởng khu vực công nghiệp và xây dựng được duy trì và có xu hướng phục hồi, tỉ trọng đóng góp của khu vực công nghiệp và xây dựng vào GDP tăng từ 37,9% năm 2011 lên 38,31% vào năm 2013. Trình độ công nghệ sản xuất công nghiệp đã có thay đổi theo hướng tiếp cận công nghệ tiên tiến, hiện đại.

Tốc độ tăng trưởng khu vực thương mại, dịch vụ, xuất nhập khẩu hàng hóa đạt mức tăng trưởng khá, tỉ trọng đóng góp của khu vực dịch vụ vào GDP tăng từ 42,02% năm 2011 lên 43,31% vào năm 2013; cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu có xu hướng chuyển dịch phù hợp hơn với quá trình CNH, HĐH và đổi mới mô hình tăng trưởng.

Quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, bộ mặt đô thị ngày càng khang trang, sạch đẹp hơn. Chương trình xây dựng nông thôn mới được quan tâm và đạt được những kết quả tích cực.

Đạt được những thành tựu nêu trên, trước hết là do nhận thức về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát triển nhanh và bền vững được đề ra thành chủ trương rõ ràng và được quan tâm chỉ đạo từ Đại

hội XI của Đảng; đồng thời cơ cấu lại nền kinh tế (ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp...) là nhu cầu cấp thiết để tồn tại và phát triển, là giải pháp quan trọng, cơ bản và lâu dài, thúc đẩy các cấp, các ngành, các thành phần kinh tế. Trong quá trình triển khai, Trung ương đã điều chỉnh kịp thời phương thức chỉ đạo, điều hành nền kinh tế, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước có nhiều khó khăn.

2.2. Những hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, nền kinh tế nước ta cũng đã bộc lộ một số hạn chế, yếu kém và biểu hiện cụ thể trên các nội dung sau đây:

- Chưa có sự nhận thức sâu sắc và thống nhất cao về mô hình tăng trưởng mới, nhất là về các động lực cho tăng trưởng. Mô hình tăng trưởng chưa có sự đổi mới rõ rệt theo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; nền kinh tế vẫn chủ yếu tăng trưởng theo chiều rộng, còn phụ thuộc nhiều vào các yếu tố về vốn, tài nguyên, lao động trình độ thấp, chưa dựa nhiều vào tri thức, khoa học - công nghệ. Mô hình tăng trưởng này đến nay đã được tận dụng, không còn nhiều dư địa cả về nguồn lực và động lực phát triển. Năng suất lao động tuy có cải thiện (năm 2013 tăng 10,1%; năm 2012 tăng 6,1%; năm 2011 tăng 3,5% và dự kiến tăng khoảng 19,7% trong cả giai đoạn 2011–2015) nhưng vẫn còn thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực³. Lao động đã qua đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu về số lượng, chất lượng và đạt thấp so với mục tiêu đến năm 2015 và 2020⁴. Chuyển dịch cơ cấu lao động còn chậm⁵. Năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) của VN còn thấp, mới chỉ đạt khoảng 3.000 USD/người/năm ở thời điểm 2013, chỉ bằng 1/16 của Singapore, bằng 1/2 chung trong khối ASEAN. Trong giai đoạn 2011–2013, mặc dù TFP có được cải thiện song trong 5,64% tăng trưởng GDP thì mới chỉ có khoảng 1,8% được tạo ra bởi đóng góp của TFP. Năm 2012, chỉ số về kinh tế tri thức (KEI) của VN là 3,51 và thuộc nhóm trung bình thấp. Đánh giá về năng lực sáng tạo, chỉ số sáng tạo của VN năm 2013 đạt 34,82 và xếp thứ 76/141 quốc gia. Hiệu quả sử dụng vốn, hiệu quả đầu tư thấp, hệ số ICOR của VN giai đoạn 2011–2013 là 5,53, cao hơn nhiều so với các nước trong khu vực (Hệ số ICOR của Trung Quốc và các nước trong khu vực là 2,7-4).

- Kinh tế vĩ mô chưa thực sự ổn định vững chắc, còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn về dài hạn. Tốc độ tăng trưởng chậm lại, tỉ lệ tăng trưởng bình quân 3 năm 2011-2013 đạt 5,64% thấp hơn chỉ tiêu kế hoạch thời kỳ 2011–2015 là từ 6,5-7% và thấp hơn so với mức 7,5% - 8% của thời kỳ 2006–2010; tăng trưởng dưới mức tiềm năng

và chưa có chuyển biến rõ rệt về chất lượng theo hướng bền vững; có dấu hiệu nền kinh tế VN tụt hậu hơn so với các nước trong khu vực ASEAN và thế giới và nguy cơ vướng vào “bẫy thu nhập trung bình”. Khả năng cạnh tranh của nền kinh tế có xu hướng giảm. Chưa tận dụng tốt cơ hội của hội nhập quốc tế cho việc nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát triển bền vững đất nước. Các mục tiêu phát triển kinh tế dài hạn chưa được chú ý đúng mức; một số chính sách tăng trưởng tỏ ra không tương thích với yêu cầu hội nhập, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu còn hạn chế.

- Việc thực hiện ba đột phá chiến lược mới chỉ có sự chuyển biến chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng giao thông với việc đưa vào khai thác hàng loạt dự án giao thông đường bộ và triển khai một số dự án quan trọng mới. Đột phá về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính dường như mới dừng lại ở việc ban hành một số văn bản pháp quy có liên quan về thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN. Cải cách hành chính còn chuyển biến chậm. Việc thực hiện đột phá về nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế, chậm tổ chức thực hiện.

- Kết quả triển khai chiến lược phát triển kinh tế xanh còn nhiều hạn chế; báo động tác động của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, nguy cơ mất cân bằng sinh thái, cạn kiệt tài nguyên do sự phát triển các loại hình sản xuất không thân thiện với môi trường.

- Việc xây dựng và triển khai Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh còn chậm. Kết quả còn hạn chế cả về cơ cấu lại “tổng thể” và các “trọng tâm”, chưa đủ sức tạo ra chuyển biến rõ nét trong đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế:

+ Chưa có đề án cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công với các giải pháp mang tính chiến lược và dài hạn để huy động tối đa các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển và tái cơ cấu nền kinh tế, thể chế đầu tư theo hình thức PPP chậm được ban hành, thu hút vốn đầu tư tư nhân và thu hút vốn đầu tư nước ngoài FDI theo hình thức PPP còn rất hạn chế. Cơ cấu lại đầu tư công chưa đặt trong tổng thể cải cách tài chính công, bội chi ngân sách lớn, nợ công tăng nhanh. Quản lý đầu tư công còn nhiều bất cập, thiếu minh bạch, hiệu quả thấp, vẫn còn tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải thiếu trọng tâm, trọng điểm. Kết quả xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản còn hạn chế.

+ Chưa thực hiện được đầy đủ mục tiêu của Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD là làm lành mạnh hóa tình trạng tài chính, củng cố năng lực hoạt động của các NHTM, nâng cao trật tự, kỷ cương và nguyên tắc thị trường hóa hoạt động ngân hàng. Hiệu quả xử lý nợ xấu còn hạn chế, nợ xấu cao vẫn là điểm nghẽn của nền kinh tế. Nợ xấu của các NHTM còn đang ở mức cao, diễn biến phức tạp. Sở hữu chéo diễn ra khá phức tạp, đa dạng, nhiều hình thức khác nhau gây khó khăn cho việc tái cơ cấu và quản lý an toàn hệ thống. TTCK và bảo hiểm tăng trưởng thiếu bền vững, việc tái cơ cấu hàng hoá, nhà đầu tư và các công ty chứng khoán và bảo hiểm mới ở giai đoạn đầu; hiệu lực quản lý nhà nước chưa cao; việc khắc phục tình trạng đô la hóa, vàng hóa còn hạn chế.

+ Tái cơ cấu DNNN diễn ra còn chậm, tiến độ sắp xếp cổ phần hoá chưa đáp ứng được yêu cầu; các tập đoàn và tổng công ty nhà nước đổi mới quản trị kinh doanh chưa có tính đột phá, năng lực cạnh tranh còn yếu, kết quả kinh doanh chưa tương ứng với yêu cầu, tiềm năng và nguồn lực được giao quản lý, năng suất lao động còn thấp, tính minh bạch kinh doanh chưa cao, việc xây dựng và triển khai các đề án cơ cấu lại chưa có tầm nhìn dài hạn; tác động của việc cơ cấu lại DNNN đối với sự phát triển kinh tế - xã hội chưa rõ nét.

+ Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chưa được sự quan tâm đúng mức và triển khai có hiệu quả của các Bộ, ngành và địa phương. Việc thu hút các nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp còn hạn chế, trong khi nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn rất lớn; chưa có cơ chế thu hút đầu tư và khuyến khích phát triển phù hợp với từng vùng kinh tế; chưa có chính sách phát triển phù hợp kinh tế trang trại, làng nghề, kinh tế rừng, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý.

+ Chưa có sự tác động nhiều đối với phát triển ngành nông nghiệp và tăng thu nhập đối với người dân; các mô hình tổ chức sản xuất mới theo chuỗi liên kết lợi ích chưa có tính phổ biến; sản xuất nông nghiệp vẫn ở tình trạng quy mô nhỏ, chuyển dịch chậm, cơ sở hạ tầng còn lạc hậu, giá cả nông sản bấp bênh, lợi ích và đời sống của hộ nông dân còn nhiều khó khăn.

+ Chưa có các đề án để cơ cấu lại các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Vì vậy, việc tổ chức triển khai cơ cấu lại ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ chưa được thực hiện một cách đầy đủ, đồng bộ theo chương trình, đề án cụ thể với lộ trình và trách nhiệm rõ ràng đối với các bộ, ngành, địa phương và đơn vị. Tốc độ tăng trưởng, cơ cấu của các ngành và trong từng ngành, chất lượng tăng trưởng chưa

đáp ứng được yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa và đổi mới mô hình tăng trưởng. Sự phát triển giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng ở nước ta vẫn còn thiếu sự liên kết, phối hợp. Thiếu thể chế cho kinh tế vùng và liên kết vùng, không gian kinh tế còn bị chia cắt bởi không gian hành chính của các tỉnh.

2.3. Các nguyên nhân của những hạn chế

Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại trên bắt nguồn chủ yếu do quá trình thể chế hóa và tổ chức thực hiện chủ trương cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XI của Đảng còn chậm, thiếu hệ thống và đồng bộ, một số nội dung tái cơ cấu chưa có các đề án nên còn thiếu tầm nhìn dài hạn và lộ trình cụ thể để thực hiện. Nhận thức về nội hàm mô hình tăng trưởng và đổi mới mô hình tăng trưởng, nhất là đối với một số vấn đề quan trọng như: Phương thức, chiến lược, động lực tăng trưởng, chất lượng tăng trưởng và mục tiêu tăng trưởng; vấn đề gắn kết giữa cơ cấu lại nền kinh tế với đổi mới mô hình tăng trưởng... còn chưa đủ rõ nên việc xây dựng và triển khai các đề án cơ cấu lại nền kinh tế không tránh khỏi lúng túng. Nguồn lực, nhất là nguồn nhân lực và tài chính cần thiết cho đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế rất thiếu so với nhu cầu; việc xử lý nợ xấu còn mang nặng tính kỹ thuật nên kết quả còn hạn chế. Chưa có tư duy đột phá trong hoàn thiện thể chế để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội theo cơ chế thị trường. Và do phải tập trung xử lý, giải quyết các khó khăn và tác động của khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế thế giới và bất ổn kinh tế vĩ mô trong nước nên kết quả đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế còn hạn chế.

3. Những định hướng và giải pháp về cơ cấu lại tổng thể nền kinh tế gắn liền với đổi mới mô hình tăng trưởng

Để góp phần đẩy mạnh quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại tổng thể nền kinh tế đến năm 2020, những định hướng, chủ trương và giải pháp lớn trong thời gian tới cần sớm đẩy mạnh triển khai là:

3.1. Về đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế

Mô hình tăng trưởng những năm sắp tới của nước ta là Mô hình tăng trưởng dựa trên nâng cao năng suất lao động, chất lượng và sức cạnh tranh hướng tới sự phát triển nhanh và bền vững, với những nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, về phương thức thực hiện: Tăng trưởng dựa trên sự kết hợp hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, trong đó, lấy tăng trưởng theo chiều sâu là hướng chủ đạo, và được thực hiện trên nền tảng thể chế KTTT hiện đại và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu chính sách cần đặt trọng tâm vào chất lượng tăng trưởng, coi trọng cả năng suất và chất lượng, trong đó cần tập trung nâng cao năng suất lao động. Tăng cường đầu tư vào các yếu tố tăng trưởng theo chiều sâu: Đầu tư nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đầu tư xây dựng, phát triển kinh tế tri thức, xây dựng và phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia; nâng cao trình độ khoa học và công nghệ quốc gia, đầu tư nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ. Tăng trưởng phát triển không chỉ bằng nguồn lực vật chất mà gắn chặt với nguồn lực tri thức, trí tuệ của con người được sử dụng, phát huy và tổ chức một cách khoa học trong một hệ thống đổi mới sáng tạo ngày càng sâu rộng. Đây là một sự phát triển kinh tế dựa trên tri thức và tri thức mới. Vai trò của khoa học và công nghệ trong tăng trưởng phải được coi là chìa khóa để có thể sớm giảm mức tiêu hao đầu vào (vốn, đất đai, năng lượng, lao động...), nhưng vẫn giữ được mức tăng trưởng, tiến tới tăng trưởng cao hơn. Cần lưu ý trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nhất là giai đoạn từ nay đến năm 2020, trên bình diện lớn, vẫn phải được tiếp tục khai thác các yếu tố tăng trưởng theo chiều rộng nhưng phải được thực hiện với hiệu quả cao; tạo lập tốt các lợi thế cạnh tranh quốc tế và trên cơ sở phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn và các vùng động lực.

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu dựa vào khả năng gia công hiệu quả thấp, bị động và phụ thuộc sang tăng trưởng dựa trên chủ động khai thác triệt để lợi thế của đất nước. Chú trọng khai thác lợi thế cạnh tranh, nâng cao giá trị gia tăng, tăng nhanh giá trị nội địa và tham gia có hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu. Sớm thực hiện đồng bộ quá trình khai thác và chế biến sản phẩm, giảm dần tiến tới xóa bỏ xuất khẩu nguyên liệu và sản phẩm thô.

Thứ hai, về chiến lược tăng trưởng: Chuyển tăng trưởng từ chỗ chủ yếu dựa vào xuất khẩu và đầu tư sang phát triển đồng thời cả về đầu tư, xuất khẩu và tiêu dùng. Tăng trưởng đầu tư công và huy động cao độ mọi nguồn vốn hiệu quả của xã hội cho đầu tư phát triển. Hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời phải coi trọng đáp ứng tối đa nhu cầu của thị trường nội địa về cả số lượng, chất lượng, giá cả phù hợp với mức thu nhập của các tầng lớp dân cư. Nâng cao khả năng cạnh tranh để có thể thay thế có hiệu quả sản phẩm nhập khẩu.

Thứ ba, về động lực tăng trưởng: Động lực tăng trưởng kinh tế phải dựa trên năng suất lao động, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, được tạo ra và thúc đẩy bởi thể chế kinh tế thị trường hiện đại gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng. Trong đó, phát triển khoa học công nghệ đi liền với vận hành hệ thống đổi mới sáng tạo, nhất là dựa trên nền tảng của khối doanh nghiệp nhỏ và vừa và khu vực tư nhân trong xã hội, tạo tiền đề đột phá về năng suất lao động. Tập trung cải thiện khuôn khổ thể chế về đổi mới sáng tạo; tăng cường quản trị công, nguồn nhân lực cho đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh sáng tạo trong các doanh nghiệp gắn liền với tăng cường các mối liên kết trong đổi mới sáng tạo giữa doanh nghiệp với nhau và với các tổ chức nghiên cứu khoa học công nghệ của Nhà nước và các thành phần kinh tế khác. Đẩy mạnh nghiên cứu và triển khai nhằm nâng cao nghiên cứu phát triển, chất lượng và hiệu quả, nâng cao giá trị gia tăng, tăng nhanh giá trị quốc gia và tham gia có hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ tư, về nguồn lực tăng trưởng: Tăng trưởng trên cơ sở khai thác, phát huy nguồn nội lực đồng thời thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài. Chú trọng giải quyết hài hòa giữa hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu, rộng với giữ vững độc lập, tự chủ về kinh tế; gắn hội nhập quốc tế với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng của nền kinh tế.

Thứ năm, về mục tiêu tăng trưởng: Cần hướng tới các mục tiêu dài hạn, tăng trưởng bền vững, hiệu quả và vì con người, giải quyết hài hòa giữa mục tiêu trước mắt và mục tiêu lâu dài, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, thân thiện với môi trường, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân, vì con người và cho tất cả mọi người.

3.2. Tái cơ cấu các ngành kinh tế

- Cần tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế và các đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực theo hướng nâng cao sức cạnh tranh, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ, phát triển kinh tế xanh, tăng nhanh giá trị quốc gia, giá trị gia tăng, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

- Thực hiện cơ cấu lại sản xuất công nghiệp cả về ngành kinh tế - kỹ thuật, vùng kinh tế theo hướng tăng hàm lượng khoa học công nghệ và tỉ trọng giá trị quốc gia. Xây dựng nền công nghiệp và thương hiệu công nghiệp quốc gia với tầm nhìn trung, dài hạn, có lộ trình rõ ràng cho từng giai đoạn phát triển. Tiếp tục thực hiện tốt chủ trương xây dựng, phát triển các ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, tăng hàm lượng khoa học - công nghệ và tỉ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm, tập trung vào

những ngành có tính nền tảng, có lợi thế so sánh và có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển nhanh, bền vững, nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế; có khả năng tham gia sâu, có hiệu quả vào mạng sản xuất và phân phối toàn cầu. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp năng lượng, cơ khí, điện tử, hóa chất, công nghiệp quốc phòng và an ninh. Chú trọng phát triển các ngành có lợi thế cạnh tranh; công nghiệp phụ trợ; công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn; từng bước phát triển công nghệ sinh học và công nghiệp môi trường. Tiếp tục phát triển hợp lý một số ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động. Nâng cao năng lực công nghiệp xây lắp đáp ứng yêu cầu xây dựng trong nước và có khả năng cạnh tranh quốc tế. Thực hiện phân bố công nghiệp hợp lý hơn trên toàn lãnh thổ; nâng cao hiệu quả các khu kinh tế, khu công nghiệp; sớm hoàn thành việc xây dựng một số khu công nghiệp công nghệ cao. Khuyến khích phát triển công nghiệp theo hình thức nhóm, chuỗi sản phẩm; hình thành các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn và hiệu quả cao.

- Đối với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, giá trị gia tăng, đẩy mạnh xuất khẩu. Đẩy nhanh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện cả về nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng hiện đại, bền vững, trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh và tổ chức lại sản xuất, thúc đẩy ứng dụng sâu rộng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sản xuất, quản lý nông nghiệp và đẩy nhanh công nghiệp hóa nông nghiệp, hiện đại hóa nông thôn để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh cao, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài; nâng cao thu nhập và đời sống của nông dân. Khai thác lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới, nâng cao giá trị gia tăng. Từng bước hình thành các tổ hợp nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ công nghệ cao. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới và quá trình đô thị hóa một cách hợp lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, thu hẹp khoảng cách về phát triển giữa đô thị và nông thôn, tăng cường kết nối nông thôn - đô thị, phối hợp các chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn với phát triển công nghiệp, dịch vụ và đô thị. Xác định vai trò hạt nhân của doanh nghiệp trong nông nghiệp, phát triển hợp tác xã kiểu mới, xây dựng liên kết chuỗi hộ gia đình, trang trại, hình thành các vùng nguyên liệu, đẩy mạnh liên kết nông - công nghiệp.

- Cơ cấu lại các ngành dịch vụ, thương mại cần đẩy mạnh phát triển khu vực dịch vụ theo hướng hiện đại, đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn các khu vực sản xuất và cao hơn tốc độ tăng GDP. Tập trung phát triển các ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao như du lịch, hàng hải, dịch vụ kỹ thuật dầu khí, hàng không, viễn thông, công nghệ thông tin. Hiện đại hóa và mở rộng các dịch vụ có giá trị gia tăng cao như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, logistics và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất kinh doanh khác. Phát triển dịch vụ giáo dục - đào tạo, y tế chất lượng cao. Hình thành một số trung tâm dịch vụ, du lịch tầm cỡ khu vực và quốc tế. Chủ động phát triển mạnh hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ trong nước, tham gia vào mạng phân phối toàn cầu.

3.3. Tái cơ cấu các lĩnh vực trọng tâm

- Trước hết tiến hành cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công gắn với quá trình cơ cấu lại tài chính công, NSNN và quản lý nợ công trong một tổng thể thống nhất, hướng tới đổi mới căn bản cơ chế, cách thức huy động, phân bổ, quản lý và sử dụng vốn đầu tư xã hội nhằm đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế, các định hướng ưu tiên của đầu tư công và đầu tư xã hội trong quá trình cơ cấu lại nền kinh tế. Nghiên cứu ban hành Luật quản lý và sử dụng vốn ODA theo hướng chú trọng quy định chặt chẽ tiêu chí chấp nhận vốn ODA; công khai, minh bạch toàn bộ số vốn, công khai các dự án và quy trình phân bổ. Yêu cầu có phản biện độc lập trong quá trình quyết định và thực thi ODA. Bên cạnh đó, kiểm soát chặt chẽ hiệu quả sử dụng, chống thất thoát, lãng phí và tham nhũng trong sử dụng nguồn vốn ODA. Sử dụng có chọn lọc, có lộ trình chấm dứt ODA trong ngắn hạn.

- Tiếp tục đổi mới thể chế và cải cách hành chính đối với lĩnh vực đầu tư để tạo môi trường đầu tư thuận lợi, hiệu quả cho các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp; sớm hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư công bằng việc quy trình hoá và tiêu chí hoá các khâu lập kế hoạch, phê duyệt, tổ chức thực hiện và giám sát các dự án đầu tư công; xây dựng và ban hành thể chế đầu tư theo hình thức PPP. Hoàn thiện pháp luật về NSNN, về đầu tư công trên cơ sở phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa Trung ương và địa phương phù hợp với quy định của Hiến pháp; giảm bớt tính lồng ghép của hệ thống ngân sách; thực hiện kế hoạch ngân sách trung hạn và phân bổ ngân sách theo kết quả đầu ra. Rà soát lại toàn bộ quy hoạch tổng thể ngành, lĩnh vực, và vùng từ Trung ương đến địa phương. Xây dựng quy hoạch đầu tư chung và từng nguồn vốn phù hợp với mục tiêu đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền

kinh tế. Tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng đầu tư công trong quá trình tái cơ cấu, khắc phục căn bản tình trạng bố trí vốn dàn trải gây lãng phí, thất thoát và kém hiệu quả trong đầu tư; tăng cường kiểm tra, kiểm soát để bảo đảm bố trí vốn tập trung theo đúng các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư; tăng cường trách nhiệm của chính quyền các cấp, nhất là chính quyền địa phương trong cơ cấu lại đầu tư công, thu hồi các khoản tạm ứng và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Thực hiện quản lý nợ công bao gồm nợ Chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia, nợ được Chính phủ bảo lãnh và nợ chính quyền địa phương trên nguyên tắc bảo đảm bền vững, an toàn nợ công và an ninh tài chính quốc gia.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại hệ thống TCTD và tổ chức tài chính; thực hiện có hiệu quả Đề án xử lý nợ xấu tại các TCTD, cơ cấu lại thị trường tài chính, bảo đảm lành mạnh hóa và ổn định vững chắc kinh tế vĩ mô, hướng tới loại bỏ nguy cơ mất an toàn hệ thống, tạo tiền đề thúc đẩy tái cơ cấu các lĩnh vực khác của nền kinh tế. Đẩy mạnh cơ cấu lại NHTM theo hướng hợp nhất, sáp nhập, giảm số lượng, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của các NHTM. Nâng cao năng lực tài chính và trình độ công nghệ, áp dụng thông lệ và các chuẩn mực quốc tế và quản trị kinh doanh hiện đại, có năng lực cạnh tranh cao, cung cấp dịch vụ tiện ích cho khách hàng. Hoàn thiện thể chế nhằm quy định hợp lý, minh bạch hóa và kiểm soát hữu hiệu sở hữu chéo trong nền kinh tế. Đẩy mạnh xử lý nợ xấu trong nền kinh tế. Thực hiện các chính sách tín dụng, lãi suất, tỉ giá, các công cụ của Ngân hàng Nhà nước theo nguyên tắc thị trường và đúng quy định của pháp luật. Tiếp tục chuyển dần từ quan hệ huy động - cho vay ngoại tệ sang quan hệ mua - bán ngoại tệ phù hợp với chủ trương chống đô la hóa. Tăng cường sự phối hợp của các bộ, ngành trong việc thực hiện cơ cấu lại hệ thống TCTD và tổ chức tài chính. Nâng cao năng lực, hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong quá trình cơ cấu lại hệ thống ngân hàng và xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, đặc biệt là quá trình cơ cấu, sắp xếp lại các NHTM cổ phần và TCTD yếu kém. Phát triển lành mạnh, hiệu quả TTCK để thực sự trở thành kênh quan trọng trong huy động vốn trung và dài hạn trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển. Phát triển đa dạng, nâng cao chất lượng sản phẩm bảo hiểm, đẩy mạnh tái cấu trúc doanh nghiệp bảo hiểm và thị trường bảo hiểm.

- Tiến hành cơ cấu lại doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế theo hướng nâng cao hiệu quả, áp dụng khung quản trị hiện đại, phát triển doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh cao trong hội nhập quốc tế. Hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách đảm

bảo quyền tự do kinh doanh của các chủ thể kinh doanh, đặc biệt trong các thủ tục gia nhập, rút lui khỏi thị trường và các chế định hoạt động trên thị trường.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại DNNN mà trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước phù hợp với định hướng cơ cấu lại các ngành và lĩnh vực của nền kinh tế. Thực hiện đồng bộ cơ cấu lại tài chính, đa dạng hóa hình thức huy động vốn, đẩy mạnh cổ phần hóa và thoái vốn ngoài ngành tài chính theo nguyên tắc thị trường; cơ cấu lại quản trị doanh nghiệp, xây dựng và ban hành nguyên tắc quản trị hiện đại; cơ cấu lại nguồn nhân lực, chủ động đào tạo, đào tạo lại đội ngũ lãnh đạo, cán bộ quản lý về nghiệp vụ, nhân lực chất lượng cao, tinh giảm bộ máy quản lý và lao động. Đổi mới thể chế quản lý và tăng cường giám sát đầu tư, kinh doanh vốn và tài sản nhà nước tại các DNNN. Kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và nâng cao năng lực quản trị DNNN, áp dụng khung quản trị hiện đại theo thông lệ quốc tế đối với doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn và doanh nghiệp có cổ phần chi phối của Nhà nước. Tăng cường quản lý, giám sát, kiểm tra của chủ sở hữu. Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát chặt chẽ, công khai, minh bạch về đầu tư, tài chính và các hoạt động của DNNN.

- Tiếp tục đổi mới kinh tế hợp tác và khu vực hợp tác xã về nội dung, phương thức hoạt động, trên cơ sở liên kết dựa vào lợi ích, áp dụng cách thức quản lý chuyên nghiệp, hiệu quả, gắn với xây dựng nông thôn mới. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Phát triển mạnh các loại hình kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp. Tạo điều kiện hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước. Phát triển doanh nghiệp FDI theo hướng tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp nhằm nước trong phát triển công nghiệp hỗ trợ, từng bước chủ động thâm nhập vào các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu, tận dụng lợi thế về công nghệ và cải thiện năng suất.

3.4. Tái cơ cấu cơ cấu kinh tế vùng

Cần tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế vùng theo hướng thống nhất quản lý tổng hợp chiến lược, quy hoạch phát triển trên quy mô toàn bộ nền kinh tế, vùng và liên vùng. Cơ cấu lại kinh tế vùng dựa trên cơ sở lợi thế so sánh và tạo lập thể chế kinh tế vùng hiện đại và hội nhập, có khả năng cạnh tranh khu vực và quốc tế, tạo cực tăng trưởng và thể nghiệm thể chế mới, thúc đẩy kinh tế vùng phát triển. Xây dựng

quy hoạch phát triển kinh tế vùng trên cơ sở lợi thế so sánh của từng địa phương, khắc phục tình trạng không gian kinh tế bị chia cắt bởi địa giới hành chính. Nhà nước tập trung đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội, đồng thời tạo lập cơ chế, chính sách để doanh nghiệp hình thành, tham gia các chuỗi giá trị liên kết vùng. Hình thành cơ chế điều phối vùng kinh tế. Xây dựng thể chế kinh tế hiện đại, có khả năng cạnh tranh khu vực và quốc tế cho các vùng, khu kinh tế, nhất là đặc khu kinh tế để tạo cực tăng trưởng và thể nghiệm thể chế mới, thực sự trở thành đầu tàu, động lực lan tỏa vùng ngoại vi và cả nước; đồng thời tạo điều kiện phát triển nhanh hơn các khu vực còn nhiều khó khăn, đặc biệt là vùng biên giới, hải đảo, Tây Nam, Tây Nguyên, Tây Bắc và phía Tây các tỉnh miền Trung. Hoàn thiện thể chế phân công, phân cấp giữa Trung ương và địa phương, vừa đảm bảo tập trung thống nhất của nền kinh tế, vừa phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương. Đổi mới hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và địa phương.

3.5. Phát triển kinh tế biển

Tập trung phát triển mạnh kinh tế biển nhằm tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia và bảo vệ chủ quyền đất nước. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp dầu khí, đánh bắt xa bờ và hậu cần nghề cá, kinh tế hàng hải (kinh doanh dịch vụ cảng biển, đóng và sửa chữa tàu, vận tải biển) du lịch biển, đảo. Có cơ chế tạo bước đột phá về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế biển, thu hút mạnh hơn mọi nguồn lực đầu tư để phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, khai thác các tài nguyên biển, đảo một cách bền vững. Tập trung đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động các khu kinh tế ven biển.

3.6. Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế

Tăng cường chủ động hội nhập quốc tế gắn kết với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Tham gia và khai thác có hiệu quả lợi ích kinh tế trong việc tham gia các hiệp định tự do hóa kinh tế song phương và đa phương, nhất là TPP; gắn kết với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tránh phụ thuộc vào một thị trường, đối tác cụ thể. Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm thực thi các hiệp định thương mại tự do sau khi được ký kết, đặc biệt là Hiệp định TPP, Hiệp định VN - EU. Hoàn thiện thể chế (pháp luật, bộ máy, nhân lực) về phòng ngừa và giảm thiểu tranh chấp quốc tế, nhất là tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế. Chuẩn bị đầy đủ điều kiện tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2015. Hoàn thiện pháp luật về tương trợ tư pháp phù hợp với pháp luật quốc tế.

4. Kết luận

Để tái cấu trúc nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng đến 2020, chúng ta cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế, đến năm 2020 hình thành đồng bộ hệ thống thể chế KTTT định hướng XHCN và vận hành thông suốt, có hiệu quả, phù hợp với Hiến pháp và bản chất của mô hình KTTT định hướng XHCN cũng như điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Hệ thống thể chế KTTT định hướng XHCN chính là động lực to lớn, góp phần tạo điều kiện thực hiện tốt 03 đột phá chiến lược, đảm bảo vững chắc cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại tổng thể nền kinh tế, phát triển nhanh và bền vững của đất nước■

Chú thích

- ¹ Số liệu của Ngân hàng Thế giới (World Bank).
- ² Báo cáo số 26-BC/BCSD ngày 7/11/2013 của Ban Cán sự Đảng bộ Tài chính.
- ³ Theo số liệu của ILO, năng suất lao động của Việt Nam năm 2013 thuộc nhóm thấp nhất Châu Á - Thái Bình Dương, thấp hơn Singapore, Nhật và Hàn Quốc lần lượt là 15 lần, 11 lần và 10 lần.
- ⁴ Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tỉ lệ lao động trong nền kinh tế đã qua đào tạo năm 2011 là 15,4%; năm 2012 là 16,6%; năm 2013 là 18%.
- ⁵ Theo báo cáo tình hình kinh tế-xã hội của Chính phủ, tỉ trọng lao động nông nghiệp trên địa bàn nông thôn là 49,5% (năm 2010); 48,4% (năm 2011); 47,3% (năm 2012); 47% (năm 2013) trong khi mục tiêu đến năm 2020, tỉ lệ lao động nông nghiệp khoảng 30-35% lao động xã hội.

Tài liệu tham khảo

- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam. Truy cập từ <http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/NuocCHXHCNVietNam/ThongTinTongHop/noidungvankiendaihoidang?categoryId=10000716&articleId=10038365>
- Đảng Cộng sản VN. (2011). *Kết luận số 10-KL/TW về Tình hình kinh tế - xã hội, tài chính - ngân sách nhà nước 5 năm 2006 - 2010 và năm 2011; kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, tài chính - ngân sách nhà nước 5 năm 2011-2015 và năm 2012*, ban hành ngày 18/10/2011. Truy cập từ http://violet.vn/th-dongyen2-kiengiang/entry/showprint/entry_id/8824780
- Đảng Cộng sản VN. (2012). *Kết luận số 74-KL/TW về Tình hình kinh tế - xã hội năm 2013 và nhiệm vụ năm 2014* và “Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội XI về kinh tế - xã hội, trọng tâm là ba đột phá chiến lược gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, ban

hành ngày 17/10/2013. Truy cập từ <http://thuvienphapluat.vn/archive/Ket-luan-74-KL-TW-2013-tai-co-cau-nen-kinh-te-doi-moi-mo-hinh-tang-truong-vb221779.aspx>

Thủ tướng chính phủ. (2013). *Quyết định số 339/QĐ-TTg v/v Phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh*, ban hành ngày 19/02/2013. Truy cập từ <http://thuvienphapluat.vn/archive/Quyết-dinh-339-QĐ-TTg-nam-2013-phe-duyet-De-an-tong-the-tai-co-cau-kinh-te-vb172932.aspx>